PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ , TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN

Dự án: Nạo vét và kè sông 223 huyện Hưng Hà (Giai đoạn 2)

Địa điểm: (thôn Vĩnh Truyền cũ) nay là thôn Văn Lang - xã Hưng Hà - tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Hưng Hà)

Stt	Họ và tên người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản	Địa chỉ thửa đất (Thôn)	Tờ bản đồ địa chính (Số mới)	Số thửa	Diện tích hiện trạng thửa đất thu hồi (m^2)	Phương án bồi thường đất					Phương án hỗ trợ						Bồi thường cây trồng, hoa màu, con vật nuôi trên đất (đồng)	Cơ chế thưởng đối với hộ gia đình bàn giao mặt bằng trước thời hạn (30.000đồng/m^2)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
						Tổng diện tích được bồi thường, hỗ trợ (m^2)	Diện tích thu hồi đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ (m^2)	Diện tích không được bồi thường, hỗ trợ (m^2)	Loại đất bồi thường	Bồi thường, hỗ trợ đất cho hộ gia đình, cá nhân và đất công ích của UBND xã (75.000đồng/m^2)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (75.000đồng/m^2 * 3 = 225.000đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất				Tổng số tiền hỗ trợ (đồng)			
												Tỷ lệ thu hồi đất (%)	Số nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Hỗ trợ ổn định đời sống (Số khẩu * Số tháng * 30kg * 17.000đồng)				
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*H*	*I*	*J*	*K=G*75.000đ/m^2*	*L=K*3,0*	*M*	*N*	*O*	*P=N*O*30kg*17.000đ*	*Q=L+P*	*R*	*S*	*T=K+Q+R+S*
1	ĐSD: Ông Vũ Mạnh Khương, Bà Phạm Thị Mỹ, Bà Vũ Thị Tuyết Chinh	Văn Lang	120	611	504,0	1,0	1,0	-	LUC	75.000	225.000	0,07	4	2	4.080.000	4.305.000	10.000	30.000	4.420.000
2	ĐSD: Ông Đinh Văn Thu, Ông Đinh Xuân Sinh	Văn Lang	120	632	686,6	2,3	2,3	-	LUC	172.500	517.500	0,13	2	2	2.040.000	2.557.500	23.000	69.000	2.822.000
3	ĐSD: Bà Đinh Thị Thơm, Ông Vũ Mạnh Linh, Ông Vũ Đình Bá, Bà Vũ Thị Minh Hải	Văn Lang	120	1848	835,6	0,3	0,3	-	LUC	22.500	67.500	0,01	8	2	8.160.000	8.227.500	3.000	9.000	8.262.000
4	ĐSD: Ông Đinh Văn Khuy, Bà Đinh Thị Thắm, Bà Đinh Thị Hồng Tươi, Ông Đinh Quang Bảo	Văn Lang	120	694	618,0	20,3	20,3	-	LUC	1.522.500	4.567.500	1,05	4	2	4.080.000	8.647.500	203.000	609.000	10.982.000
5	ĐSD: Ông Đinh Văn Xứng, Bà Bùi Thị Hương, Ông Đinh Đức Xanh, Bà Đinh Thị Yến	Văn Lang	120	920	1.341,1	28,2	28,2	-	LUC	2.115.000	6.345.000	1,52	4	2	4.080.000	10.425.000	282.000	846.000	13.668.000
6	ĐSD: Bà Đinh Thị Then, Ông Vũ Nam Bình, Bà Vũ Thị Xuân	Văn Lang	120	964	684,0	10,0	10,0	-	LUC	750.000	2.250.000	0,52	4	2	4.080.000	6.330.000	100.000	300.000	7.480.000
7	ĐSD: Ông Đinh Văn Thưởng, Bà Vũ Thị Loan, Ông Đinh Văn Định, Bà Đinh Thị Doan, Bà Đinh Thị Trang, Ông Đinh Văn Tá, Ông Đinh Văn Bạn, Bà Đinh Thị My	Văn Lang	120	972	705,3	0,3	0,3	-	LUC	22.500	67.500	0,01	7	2	7.140.000	7.207.500	3.000	9.000	7.242.000
8	ĐSD: Ông Vũ Văn Thái, Bà Phạm Thị Mừng, Ông Vũ Văn Sử	Văn Lang	120	1009	1.062,0	22,7	22,7	-	LUC	1.702.500	5.107.500	0,99	4	2	4.080.000	9.187.500	227.000	681.000	11.798.000
9	ĐSD: Ông Phạm Văn Duyệt, Bà Đinh Thị Chẩn, Bà Đinh Thị Chân, Bà Phạm Thị Ngân, Ông Phạm Văn Dục, Ông Phạm Văn Hà, Bà Phạm Thị Linh, Bà Phạm Thị Tươi, Bà Phạm Thị Vui, Bà Phạm Thị Mừng	Văn Lang	120	1077	1.177,8	28,8	28,8	-	LUC	2.160.000	6.480.000	0,96	6	2	6.120.000	12.600.000	288.000	864.000	15.912.000
10	ĐSD: Bà Mai Thị May, Ông Phan Thanh Bình, Ông Phan Thế Mậu, Bà Phan Thị Tuấn, Bà Phan Thị Thu Trang, Bà Đinh Thị Thỏa, Bà Phan Thị Ngọc Huyền	Văn Lang	120	1123	1.018,2	2,9	2,9	-	LUC	217.500	652.500	0,07	8	2	8.160.000	8.812.500	29.000	87.000	9.146.000

Stt	Họ và tên người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản	Địa chỉ thửa đất (Thôn)	Tờ bản đồ địa chính (Số mới)	Số thửa	Diện tích hiện trạng thửa đất thu hồi (m^2)	Phương án bồi thường đất					Phương án hỗ trợ						Bồi thường cây trồng, hoa màu, con vật nuôi trên đất (đồng)	Cơ chế thưởng đối với hộ gia đình bàn giao mặt bằng trước thời hạn (30.000đồng/m^2)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
						Tổng diện tích được bồi thường, hỗ trợ (m^2)	Diện tích thu hồi đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ (m^2)	Diện tích không được bồi thường, hỗ trợ (m^2)	Loại đất bồi thường	Bồi thường, hỗ trợ đất cho hộ gia đình, cá nhân và đất công ích của UBND xã (75.000đồng/m^2)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (75.000đồng/m^2 * 3 = 225.000đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất				Tổng số tiền hỗ trợ (đồng)			
												Tỷ lệ thu hồi đất (%)	Số nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ (khẩu)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Hỗ trợ ổn định đời sống (Số khẩu * Số tháng * 30kg * 17.000đồng)				
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*H*	*I*	*J*	*K=G*75.000đ/m^2*	*L=K*3,0*	*M*	*N*	*O*	*P=N*O*30kg*17.000đ*	*Q=L+P*	*R*	*S*	*T=K+Q+R+S*
11	UBND xã Hưng Hà	Văn Lang	120	567	414,5	9,2	9,2	-	LUC	690.000	-	-	-	-	-	-	-	-	690.000
			120	1087	2.630,1	8,8	8,8	-	LUC	660.000	-	-	-	-	-	-	-	-	660.000
			120	4001	1,3	-	-	1,3	DTL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			120	4002	4,0	-	-	4,0	DTL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng			**-**	**-**	**-**	**134,8**	**134,8**	**5,3**	**-**	**10.110.000**	**26.280.000**	**-**	**-**	**-**	**52.020.000**	**78.300.000**	**1.168.000**	**3.504.000**	**93.082.000**
Bằng chữ: Chín mươi ba triệu, không trăm tám mươi hai nghìn đồng.																			